

BÁO CÁO TÓM TẮT

Nhu cầu chăm sóc trong tương lai tại VIỆT NAM

Tháng 2 năm 2026



GIỚI THIỆU VỀ BÁO CÁO TÓM TẮT

Bản báo cáo tóm tắt này được trích từ báo cáo "*Nhu cầu chăm sóc trong tương lai tại Indonesia, Philippines và Việt Nam*" xuất bản vào tháng 10 năm 2025. Đây là thành quả hợp tác của các nhóm nghiên cứu tại Indonesia, Philippines và Việt Nam do Viện Lãnh đạo Phụ nữ Toàn cầu (GIWL) trực thuộc Đại học Quốc gia Australia chủ trì. Nghiên cứu được phối hợp thực hiện bởi Viện Nghiên cứu SMERU tại Indonesia, Viện Nghiên cứu Phát triển Philippines (PIDS) tại Philippines và Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong (MDRI) tại Việt Nam.

Nghiên cứu được triển khai trong khuôn khổ hợp tác với Investing in Women, một sáng kiến của Chính phủ Australia, thông qua Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia (DFAT). Mọi ý kiến thể hiện trong ấn phẩm đều là quan điểm của riêng nhóm tác giả, không đại diện cho quan điểm của Chính phủ Australia. Chính phủ Australia không xác nhận các quan điểm trong ấn phẩm này, đồng thời không đảm bảo tính chính xác hoặc đầy đủ của các thông tin được trình bày trong ấn phẩm.

Ảnh bìa được lấy từ nguồn Adobe Stock, trừ hình ảnh về hoạt động đào tạo chăm sóc do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) – Chi nhánh khu vực TP. Hồ Chí Minh cung cấp.

Thông điệp chính

Những thay đổi về nhân khẩu học, xã hội và kinh tế sẽ tạo ra áp lực ngày càng lớn lên mô hình chăm sóc truyền thống tại gia đình.



Những thay đổi về nhân khẩu học như tuổi thọ tăng, tỷ lệ khuyết tật tăng, tỷ lệ sinh giảm và làn sóng di cư, cùng với sự thay đổi trong các tiêu chuẩn chăm sóc, sẽ dần vượt quá khả năng đáp ứng của mô hình chăm sóc truyền thống tại gia đình.

Đến năm 2050, 20% dân số Việt Nam sẽ thuộc nhóm từ 65 tuổi trở lên. Bên cạnh quá trình già hóa dân số nhanh chóng, tình trạng khuyết tật liên quan đến suy giảm chức năng do tuổi tác sẽ gia tăng, và làn sóng di cư trong nước khiến dân số cao tuổi tăng lên ở các vùng nông thôn.

Định kiến xã hội đối với các cơ sở chăm sóc người cao tuổi tại Việt Nam đang giảm dần sẽ tạo động lực cho sự phát triển mạnh mẽ của các dịch vụ chăm sóc dài hạn và chuyên biệt dành cho người cao tuổi. Thay đổi này xuất phát từ áp lực công việc của cả nam và nữ khiến họ không thể đảm đương công việc chăm sóc tại gia đình, tình trạng cô đơn của người cao tuổi sống tại nhà ngày càng tăng và giá trị của dịch vụ chăm sóc chuyên nghiệp được công nhận rộng rãi hơn.

Lãng kính giới cho thấy tác động của việc chăm sóc đối với bình đẳng kinh tế của phụ nữ.



Nhu cầu về các dịch vụ chăm sóc chính thức sẽ tăng mạnh trong 25 năm tới, mang lại cả thách thức lẫn cơ hội để phụ nữ đạt được bình đẳng kinh tế.

Việt Nam ghi nhận tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động đạt 69% vào năm 2023, mức cao nhất trong số ba quốc gia tham gia nghiên cứu, với đa số phụ nữ vẫn đi làm trong độ tuổi sinh con.

Mặc dù đã có những tiến bộ nhất định, nhưng xã hội vẫn còn tồn tại quan niệm phụ nữ phải đảm nhận vai trò chăm sóc chính trong gia đình, khiến nhiều phụ nữ phải tiếp tục làm các công việc phi chính thức hoặc không ổn định. Chính vì thế, mở rộng các dịch vụ chăm sóc có tính phí là cần thiết để giúp phụ nữ vừa thực hiện trách nhiệm chăm sóc tại gia đình, vừa theo đuổi công việc ổn định.

Nhu cầu chăm sóc tăng nhanh đòi hỏi Chính phủ và khu vực tư nhân phải hành động.



Đầu tư vào các dịch vụ chăm sóc tại nhà và tại cộng đồng sẽ giúp giảm phụ thuộc vào hình thức chăm sóc không lương, phi chính thức, vốn đang chủ yếu là trách nhiệm của phụ nữ, tạo điều kiện cho họ mở rộng cơ hội kinh tế.

Nhằm thúc đẩy nền kinh tế chăm sóc, những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng các kế hoạch hành động riêng cho từng nhóm đối tượng cụ thể, trong đó có: Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi, Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, và Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030.



Mặc dù chưa có một khuôn khổ tổng thể về kinh tế chăm sóc, Việt Nam vẫn đang đi đầu về các chính sách chăm sóc cho người lao động, đặc biệt là các quy định nghỉ phép theo luật định. Việt Nam hiện là quốc gia có thời gian nghỉ thai sản hưởng lương dài nhất trong ba quốc gia tham gia nghiên cứu, đồng thời có quy định nghỉ phép để chăm sóc người thân ưu đãi nhất.

Các khoản đầu tư công và tư nhân có khả năng tái thiết hệ thống chăm sóc theo hướng thúc đẩy bình đẳng giới.



Nhằm đáp ứng các nhu cầu chăm sóc luôn thay đổi, cần có sự phối hợp giữa các chính sách và nỗ lực cộng đồng nhằm thay đổi các chuẩn mực giới, đồng thời phân bổ lại trách nhiệm chăm sóc có trả lương và không trả lương cho mọi giới.



Trong bối cảnh nhu cầu chăm sóc tăng, các nhà cung cấp tư nhân đã bắt đầu tăng sự hiện diện thông qua nhiều mô hình dịch vụ đa dạng: từ viện dưỡng lão, trung tâm chăm sóc ban ngày cho đến dịch vụ chăm sóc tại nhà tính phí và các giải pháp số tiên tiến.

Giới thiệu

Đến năm 2050, 20% dân số Việt Nam sẽ thuộc nhóm từ 65 tuổi trở lên. Tình trạng già hóa dân số nhanh chóng và áp lực kinh tế ngày càng tăng đã khẳng định tầm quan trọng của các dịch vụ chăm sóc cá nhân hóa và chuyên nghiệp tại nhà, trong cộng đồng và các cơ sở dịch vụ.

Tỷ lệ khuyết tật liên quan đến già hóa có xu hướng tăng, cùng với đó là số lượng người cao tuổi ở nông thôn rơi vào cảnh neo đơn cũng tăng do người trẻ di cư đến thành phố để theo đuổi cơ hội kinh tế. Những thay đổi này, cùng với cái nhìn ít định kiến hơn về các cơ sở chăm sóc người cao tuổi sẽ thúc đẩy mạnh mẽ nhu cầu về các dịch vụ chăm sóc chuyên biệt và dài hạn cho người cao tuổi. Bên cạnh đó, tỷ lệ chẩn đoán sớm ở trẻ nhỏ tăng lên cũng góp phần thúc đẩy nhu cầu hỗ trợ chăm sóc. Nhằm thúc đẩy nền kinh tế chăm sóc, Chính phủ Việt Nam hiện đã ban hành các kế hoạch hành động riêng cho từng nhóm đối tượng cụ thể, bao gồm: người cao tuổi, trẻ em và người khuyết tật. Mặc dù chưa có một khuôn khổ tổng thể về kinh tế chăm sóc, Việt Nam vẫn đang đi đầu về các chính sách chăm sóc cho người lao động, đặc biệt là các quy định nghỉ phép theo luật định như chế độ nghỉ thai sản và nghỉ chăm con có lương. Đồng thời, Việt Nam cũng xây dựng mạng lưới dịch vụ rộng khắp cho người cao tuổi, thúc đẩy họ tự chăm sóc bản thân hoặc nhận dịch vụ chăm sóc xã hội tại nhà.

Hiểu rõ nhu cầu chăm sóc trong tương lai là cần thiết để định hướng các khoản đầu tư chiến lược vào nền kinh tế chăm sóc. Năm 2025, trong khuôn khổ hợp tác với Investing in Women (IW), một sáng kiến của Chính phủ Australia, Viện Lãnh đạo Phụ nữ Toàn cầu (GIWL) xuất bản báo cáo "*Nhu cầu chăm sóc trong tương lai tại Indonesia, Philippines và Việt Nam*".¹ Tập trung vào ba lĩnh vực chăm sóc: chăm sóc trẻ em, chăm sóc người cao tuổi, và chăm sóc người khuyết tật, nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của đầu tư công và tư trong việc thúc đẩy cách tiếp cận mang tính chuyển đổi về giới, thông qua:

- Đáp ứng hiệu quả nhu cầu chăm sóc
- Thúc đẩy bình đẳng giới
- Tránh làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng giới đang tồn tại

Dựa trên báo cáo này, báo cáo tóm tắt dưới đây phân tích dự báo thay đổi về nhu cầu chăm sóc trong 25 năm tới, tập trung vào Việt Nam.

Lăng kính giới cho thấy thách thức và cơ hội trong công việc chăm sóc ảnh hưởng đến các giới khác nhau như thế nào.



Lập kế hoạch cho nhu cầu chăm sóc trong tương lai qua lăng kính giới sẽ góp phần thúc đẩy bình đẳng kinh tế của phụ nữ.

- Trên toàn cầu, có khoảng 708 triệu phụ nữ không thể tham gia thị trường lao động do phải đảm nhận công việc chăm sóc không lương.²
- Trung bình, phụ nữ đảm nhận khối lượng công việc chăm sóc không lương nhiều gấp 2,5 lần so với nam giới.³



Tăng cường sự tham gia kinh tế của phụ nữ cũng mang lại những lợi ích kinh tế vĩ mô đáng kể.

- Dù chỉ tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động thêm 5,9%, GDP tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển lại có thể tăng thêm lên tới 8%.⁴
- Giải quyết lỗ hổng chính sách và mở rộng dịch vụ chăm sóc có thể tạo ra gần 300 triệu việc làm tính đến năm 2035,⁵ trong đó khoảng 70-90% số việc làm này sẽ mang lại lợi ích cho phụ nữ.⁶

¹ Nguồn: "*Nhu cầu chăm sóc trong tương lai tại Indonesia, Philippines và Việt Nam - Investing In Women*".

² ILO, 708 triệu phụ nữ không thể tham gia thị trường lao động vì công việc chăm sóc không lương, ngày 29/10/2024, <https://www.ilo.org/resource/news/unpaid-care-work-prevents-708-million-women-participating-labour-market>

³ UN Women, Phân bổ lại công việc chăm sóc không lương, truy cập ngày 18/8/2025, <https://www.unwomen.org/en/news/in-focus/csw61/redistribute-unpaid-work>

⁴ Antoinette M. Sayeh và các cộng sự, "Các quốc gia thu hẹp chênh lệch giới đạt mức tăng trưởng kinh tế vượt trội", IMF, ngày 27/9/2023, <https://www.imf.org/en/Blogs/Articles/2023/09/27/countries-that-close-gendergaps-see-substantial-growth-returns>

⁵ Tổ chức Lao động Quốc tế, "Chăm sóc tại nơi làm việc: Đầu tư vào các dịch vụ và chế độ nghỉ phép liên quan đến chăm sóc nhằm kiến tạo môi trường làm việc bình đẳng giới hơn" (Văn phòng ILO, không có ngày)

⁶ UN Women, "Đầu tư vào hệ thống chăm sóc trẻ em miễn phí cho toàn dân tại khu vực Nam Sahara, Châu Phi: Côte D'Ivoire, Nigeria, Rwanda, Senegal và Cộng hòa Thống nhất Tanzania: Dự toán nhu cầu chi tiêu, tác động đến việc làm theo giới và nguồn thu ngân sách (Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women), 2021).

Thiết kế nghiên cứu và phương pháp luận

Nhóm hợp tác nghiên cứu đa quốc gia

GIWL chủ trì nhóm hợp tác nghiên cứu gồm Viện Nghiên cứu SMERU tại Indonesia, Viện Nghiên cứu Phát triển Philippines (PIDS) tại Philippines và Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong (MDRI) tại Việt Nam.



Các câu hỏi nghiên cứu được chia thành 7 chủ đề trọng tâm:

1. **Các xu hướng chuyển dịch** về nhân khẩu học, xã hội và kinh tế
2. **Quan điểm về dịch vụ chăm sóc** và mối liên hệ với các xu hướng chuyển dịch
3. **Nhu cầu về dịch vụ chăm sóc** và mối liên hệ với các xu hướng chuyển dịch
4. **Kỳ vọng** về chính sách hỗ trợ chăm sóc **tại các tổ chức**
5. **Cách các tổ chức đáp ứng** nhu cầu hỗ trợ chăm sóc
6. Sự thay đổi trong nhu cầu chăm sóc và **bình đẳng kinh tế của phụ nữ**
7. **Khuyến nghị** cho Chính phủ và khu vực tư nhân

Lăng kính giới giao thoa

Dựa trên khung lý thuyết **lăng kính giới giao thoa**, nghiên cứu này tìm hiểu sự giao thoa và định hình lẫn nhau giữa các yếu tố như sắc tộc, chủng tộc, xu hướng tính dục, giai cấp và yếu tố giới, thay vì đánh giá một cách riêng biệt.⁷ Nghiên cứu áp dụng phương pháp hỗn hợp, dựa trên dữ liệu định tính và định lượng thu thập được trong giai đoạn từ tháng 10/2024 đến tháng 8/2025 từ 335 người tham gia thông qua các buổi phỏng vấn, phỏng vấn nhóm và hội thảo đánh giá. Sau đó, kết quả nghiên cứu được kết hợp phân tích với số liệu thống kê quốc gia, quốc tế và văn kiện chính sách.

Khung giải pháp để giải quyết vấn đề chăm sóc có trả lương và không trả lương

Dựa trên bộ công cụ của UN Women về công việc chăm sóc có trả lương và không trả lương, cùng các phương pháp tiếp cận bổ sung,⁸ nghiên cứu này tập trung tìm hiểu những yếu tố bất bình đẳng trong công việc chăm sóc qua **mô hình 6R**⁹:

- Tiêu chí **Ghi nhận (Recognition)** nhằm công nhận và trân trọng giá trị của công việc chăm sóc không lương như một đóng góp quan trọng cho nền kinh tế và xã hội.
- Tiêu chí **Giảm thiểu (Reduction)** tập trung vào việc giảm bớt gánh nặng và sự tiêu tốn thời gian của công việc chăm sóc không lương, vốn chủ yếu đè nặng lên vai phụ nữ.
- Tiêu chí **Phân bổ lại (Redistribution)** hướng tới phân chia công bằng trách nhiệm chăm sóc giữa nam và nữ, giữa hộ gia đình và nhà nước, cũng như giữa khu vực công và tư nhân.
- Tiêu chí **Đãi ngộ (Reward)** tập trung vào công việc chăm sóc có trả lương, nhằm đảm bảo mức lương xứng đáng, điều kiện làm việc công bằng và chế độ an sinh xã hội tương xứng với giá trị của ngành.
- Tiêu chí **Đại diện (Representation)** đảm bảo người lao động ngành chăm sóc có quyền đóng góp xây dựng ngành nghề thông qua các hình thức như chính thức hóa, thương lượng tập thể và quyền tự do lập hội.
- Tiêu chí **Thích ứng (Resilience)** nhằm xây dựng các hệ thống chăm sóc có khả năng thích ứng và chống chịu trước các cuộc khủng hoảng lớn như đại dịch hay biến đổi khí hậu.

⁷ Patricia Hill Collins, "Gia đình là gốc rễ: Giao thoa giữa giới tính, sắc tộc và quốc gia", Hypatia 13, số 3 (1998): 62–82, <https://doi.org/10.1111/j.1527-2001.1998.tb01370.x>; Kimberle Crenshaw, "Xác định nhóm dân số yếu thế: Tính giao thoa, chính trị bản sắc và bạo lực đối với phụ nữ da màu", Stanford Law Review 43, số 6 (1991): 1241, <https://doi.org/10.2307/1229039>.

⁸ UN Women, "Bộ công cụ về công việc chăm sóc có trả lương và không trả lương: Từ Khung 3R sang 5R", 2022.

⁹ Mở rộng từ Khung 5R về công việc chăm sóc bền vững của ILO nhằm bổ sung thêm tiêu chí Thích ứng (Resilience).

Các xu hướng chuyển dịch chính về nhân khẩu học, xã hội và kinh tế

Tại Indonesia, Philippines và Việt Nam, một số xu hướng chính được ghi nhận, phản ánh những thay đổi trong cơ cấu cũng như kỳ vọng của xã hội đối với trách nhiệm chăm sóc. Các xu hướng này đều chỉ ra rằng nhu cầu chăm sóc trong tương lai sẽ thay đổi về cả **khối lượng, chất lượng và mức độ phức tạp**.

Đến năm 2050,

20%
dân số Việt Nam
sẽ thuộc nhóm
từ 65 tuổi trở lên.



28%
người từ 65 tuổi trở lên
đang sống chung
với khuyết tật.



CƠ CẤU DÂN SỐ THAY ĐỔI

Tỷ lệ người cao tuổi trong dân số ngày càng tăng, trong đó đa số là phụ nữ, và tình trạng ngày càng có nhiều người cao tuổi sống một mình cần hỗ trợ trong sinh hoạt hàng ngày kéo theo nhu cầu chăm sóc cũng tăng lên.

Dân số Việt Nam đang già hóa nhanh chóng, dự báo đến năm 2050, 20% dân số sẽ thuộc nhóm từ 65 tuổi trở lên. Thực trạng này dự kiến sẽ khiến nhu cầu chăm sóc trong tương lai tăng đáng kể, đặc biệt là các dịch vụ chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi.

TỶ LỆ KHUYẾT TẬT TĂNG

Tình trạng khuyết tật liên quan đến suy giảm chức năng do tuổi tác, cùng với tỷ lệ chẩn đoán sớm ở trẻ nhỏ tăng lên, đang góp phần thúc đẩy nhu cầu hỗ trợ chăm sóc.

Nhu cầu về các dịch vụ linh hoạt dựa trên nhu cầu thực tế, các công nghệ hỗ trợ và đội ngũ chăm sóc có kỹ năng hỗ trợ khả năng tự chủ và sự công nhận của xã hội, sẽ tăng mạnh.

Tỷ lệ khuyết tật liên quan đến già hóa tại Việt Nam đang ở mức rất cao: 28% người từ 65 tuổi trở lên đang sống chung với khuyết tật, cao hơn hẳn so với mức 8,1% ở Indonesia và 8,7% ở Philippines.

LÀN SÓNG DI CƯ

Tình trạng người trẻ di cư từ nông thôn đến thành phố để theo đuổi cơ hội kinh tế, làm xáo trộn các mô hình chăm sóc truyền thống tại gia đình. Sự thay đổi về nhân khẩu học này đã góp phần làm gia tăng tỷ lệ người cao tuổi sống một mình.

Vào năm 2019, tỷ lệ người cao tuổi tại Việt Nam sống một mình hoặc chỉ sống cùng vợ/chồng đạt mức 14,1%.

CHUẨN MỰC GIỚI LIÊN QUAN ĐẾN CHĂM SÓC

Trách nhiệm chăm sóc vẫn chủ yếu do phụ nữ đảm nhận. Phụ nữ đang phải đảm nhận phần lớn các công việc chăm sóc không lương và chiếm đa số trong số lao động giúp việc gia đình vốn có thu nhập thấp và ít được bảo vệ. Tại tất cả các quốc gia tham gia nghiên cứu, công việc chăm sóc vẫn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các chuẩn mực và quan niệm văn hóa.

Liên Hợp Quốc dự báo sẽ có sự chuyển dịch dần dần, theo đó phụ nữ sẽ dần giảm bớt thời gian cho công việc nội trợ và chăm sóc không lương trong tương lai.¹⁰ Dù vậy, tại Việt Nam, mức giảm này được dự báo là khá

¹⁰ Taylor Hanna và các cộng sự, "Dự báo thời gian dành cho công việc nội trợ và chăm sóc không lương" (UN Women, 2023), <https://data.unwomen.org/publications/forecasting-time-spent-unpaid-care-and-domestic-work>.



Tại Việt Nam, hầu hết phụ nữ vẫn đi làm ngay cả trong giai đoạn sinh nở, cho thấy mức độ gắn bó mạnh mẽ hơn với công việc và sự bình thường hóa hơn nữa sự tham gia kinh tế của phụ nữ.

Mặc dù tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động đạt mức ấn tượng

69%

vào năm 2023, các công việc phi chính thức và không ổn định vẫn còn phổ biến trong số lao động nữ tại Việt Nam.



hạn chế (chỉ giảm 1%). Thực tế, so với phụ nữ Indonesia và Philippines, phụ nữ Việt vốn đã dành ít thời gian hơn cho công việc nội trợ và chăm sóc không lương, đồng nghĩa với tỷ lệ tham gia thị trường lao động của phụ nữ Việt Nam cao hơn phụ nữ tại hai quốc gia này.

Tuy nhiên, thế hệ trẻ đang có những thay đổi trong tư duy và hành vi hướng tới việc chia sẻ trách nhiệm chăm sóc con cái và người cao tuổi một cách bình đẳng hơn giữa các cặp vợ chồng.¹¹

CHÍNH SÁCH VÀ XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Trình độ học vấn của phụ nữ cùng với nhu cầu của thị trường lao động ngày càng cao dự báo sẽ thúc đẩy nhu cầu về các dịch vụ chăm sóc có tính phí, đặc biệt là chăm sóc trẻ em, khi phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động.

Tại Việt Nam, hầu hết phụ nữ vẫn đi làm ngay cả trong giai đoạn sinh nở, cho thấy mức độ gắn bó mạnh mẽ hơn với thị trường lao động ở mọi trình độ học vấn và sự bình thường hóa hơn nữa sự tham gia kinh tế của phụ nữ. Việt Nam đang tập trung nâng cao tỷ lệ phụ nữ đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo theo Nghị quyết số 28/NQ-CP về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

Mặc dù tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động ở mức cao nhất trong ba quốc gia tham gia nghiên cứu, các công việc phi chính thức và không ổn định vẫn còn phổ biến trong số lao động nữ tại Việt Nam.¹² Điều này cho thấy, vẫn còn tồn tại quan niệm phụ nữ phải đảm nhận vai trò chăm sóc chính nhưng lại thiếu các lựa chọn dịch vụ chăm sóc có tính phí tương ứng, do đó, phụ nữ có xu hướng tìm đến các công việc phi chính thức để cân bằng giữa công việc và trách nhiệm chăm sóc gia đình. Tuy nhiên, lựa chọn này thường đi kèm với sự đánh đổi về sự ổn định, phúc lợi và cơ hội thăng tiến trong công việc.

TỶ TRỌNG TẦNG LỚP TRUNG LƯU TĂNG

Tầng lớp trung lưu đông đảo với thu nhập khả dụng cao hơn dẫn đến nhu cầu và khả năng chi trả cho các giải pháp chăm sóc có tính phí chất lượng cao tăng lên.

Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP hàng năm đạt 7% vào năm 2024.¹³ Tỷ lệ hộ gia đình trung lưu tại Việt Nam tăng từ dưới 50% vào năm 2010 lên 70% vào năm 2016. Kể từ năm 2014, trung bình mỗi năm ghi nhận thêm khoảng 1,5 triệu người gia nhập tầng lớp trung lưu.¹⁴¹⁵

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Thiên tai do biến đổi khí hậu gây đình trệ hạ tầng chăm sóc và ảnh hưởng nặng nề đến các nhóm dễ bị tổn thương, gây thêm áp lực cho các hệ thống chăm sóc. Là đối tượng vốn đã đảm nhận phần lớn công việc chăm sóc không lương, phụ nữ phải đối mặt với trách nhiệm nặng nề hơn cả trong và sau khi thiên tai xảy ra. Hơn nữa, thiên tai bất ngờ thường buộc các hộ gia đình phải thay đổi ưu tiên chi tiêu

¹¹ Nghiên cứu đồng hành về chuẩn mực xã hội, thái độ và thông lệ (SNAP) do GIWL phối hợp triển khai cùng IW, dự kiến xuất bản vào tháng 2 năm 2026.

¹² Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA), Báo cáo nghiên cứu: Việc làm phi chính thức tại Việt Nam qua lăng kính giới (ILO, 2024).

¹³ Số liệu tăng trưởng GDP hàng năm là số liệu của Ngân hàng Thế giới, <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG>.

¹⁴ Theo Albert (2024), hộ gia đình trung lưu gồm 5 thành viên tại Philippines có mức thu nhập hàng tháng dao động từ 25.000 đến 145.000 Peso.

¹⁵ Jose Ramon G. Albert, "Tầng lớp trung lưu tại Philippines: Tăng trưởng nhưng dễ bị tổn thương", ISEAS Perspective số 102 (2024), https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2024/11/ISEAS_Perspective_2024_102.pdf

sang các nhu cầu khắc phục hậu quả khẩn cấp, từ đó gây thêm áp lực lên ngân sách vốn dành cho chăm sóc.

KHÁT VỌNG TĂNG TRƯỞNG CỦA CHÍNH PHỦ

Chính phủ các quốc gia luôn thể hiện khát vọng tăng trưởng về cả kinh tế và xã hội. Các chiến lược dân số và/hoặc phát triển kinh tế, lại cho thấy nhu cầu trong việc đón đầu tương lai và đảm bảo có thể cung cấp các dịch vụ chăm sóc cơ bản khi những khát vọng đó trở thành hiện thực.

Những thay đổi này tác động và củng cố lẫn nhau, thường tạo áp lực lên các mô hình chăm sóc truyền thống tại gia đình. Trong bối cảnh hiện tại, phụ nữ vẫn chưa được hỗ trợ hoặc chưa được hỗ trợ đúng mức để đạt bình đẳng kinh tế khi họ vẫn phải đảm nhận phần lớn trách nhiệm chăm sóc không lương.

Quan điểm và Nhu cầu về dịch vụ chăm sóc và Mối liên hệ với các xu hướng chuyển dịch

Trách nhiệm chăm sóc vẫn chủ yếu đặt lên vai phụ nữ. Họ được kỳ vọng phải chăm sóc con cháu, bạn đời khi về già, bố mẹ ruột, gia đình nhà chồng và người thân khuyết tật.

Trong bối cảnh cả vợ và chồng đều phải đi làm do áp lực chi phí sinh hoạt, các gia đình buộc phải phân bổ lại trách nhiệm chăm sóc, chẳng hạn như thuê dịch vụ chăm sóc hoặc nam giới đảm nhận trách nhiệm chăm sóc nhiều hơn. Tuy nhiên, xu hướng này xuất phát từ nhu cầu kinh tế thay vì từ nỗ lực hỗ trợ phụ nữ tham gia thị trường lao động.

Ngày càng có nhiều nhu cầu đối với dịch vụ chăm sóc toàn diện ở mọi giai đoạn cuộc đời, từ dịch vụ cho trẻ em, người cao tuổi cho đến người khuyết tật.



Trẻ em — Kỳ vọng đang thay đổi, không chỉ dừng lại ở việc được tiếp cận dịch vụ giáo dục đầu đời cơ bản mà còn cả dịch vụ giáo dục đầu đời chất lượng cao. Nhu cầu này không chỉ xuất hiện ở các hộ gia đình có thu nhập cao.



Người cao tuổi — Nhu cầu chăm sóc đang mở rộng từ chăm sóc sức khỏe thể chất sang cả sức khỏe tinh thần và tương tác xã hội.



Người khuyết tật — Dịch vụ chăm sóc phải nhằm mục đích hỗ trợ cá nhân phát triển, tự chủ và hòa nhập với cộng đồng.

Dù phần lớn người cao tuổi tại Việt Nam muốn được chăm sóc tại nhà hơn, xã hội đang dần có ít định kiến hơn về các cơ sở chăm sóc người cao tuổi do một số yếu tố có mối quan hệ mật thiết với nhau:

1. **Áp lực công việc và áp lực kinh tế ngày càng lớn** đối với cả nam và nữ khiến gia đình khó có thể tự chăm sóc người thân cao tuổi;
2. Tình trạng cô đơn của người cao tuổi sống tại nhà ngày càng tăng đặt ra **nhu cầu cấp thiết về không gian cho họ bầu bạn và tương tác xã hội**; và
3. **Giá trị của dịch vụ chăm sóc chuyên nghiệp được công nhận** rộng rãi hơn, đặc biệt đối với người cao tuổi mắc bệnh mãn tính hoặc có nhu cầu y tế phức tạp, đã củng cố tầm quan trọng của các **dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp được cá nhân hóa tại các cơ sở chăm sóc nội trú cho người cao tuổi**.



Cách các tổ chức đáp ứng nhu cầu hỗ trợ chăm sóc

Indonesia, Philippines và Việt Nam đã và đang xây dựng thêm nhiều biện pháp để đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bao gồm: khung chính sách, chính sách chăm sóc của người sử dụng lao động, cung cấp dịch vụ, đào tạo kỹ năng chăm sóc và phát triển các dịch vụ mới. Cần phải có lộ trình tích hợp hoặc khuôn khổ kinh tế chăm sóc quốc gia để hỗ trợ phát triển một hệ sinh thái chăm sóc bền vững, công bằng và bao trùm.



**CHƯA CÓ
KHUÔN KHỔ**

**Kế hoạch hành động riêng
cho từng nhóm đối tượng
cụ thể**

**Đang xây dựng
khuôn khổ kinh tế
chăm sóc quốc gia**

**Đã xây dựng
khuôn khổ kinh tế chăm sóc
và kế hoạch hành động**



**KHUÔN KHỔ
HOÀN CHỈNH**

Chính phủ Việt Nam hiện đã xây dựng các kế hoạch hành động riêng cho từng nhóm đối tượng cụ thể, bao gồm: Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030; Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp giai đoạn 2025 - 2035, định hướng đến năm 2045; và Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Chính phủ đang **thiết lập các khung pháp lý** để hỗ trợ nền kinh tế chăm sóc và khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân nhằm mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng và khả năng cung cấp lâu dài các dịch vụ.

Do tâm lý ưu tiên chăm sóc trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật tại nhà, nên khu vực tư nhân sẽ đóng vai trò chủ đạo trong việc cung cấp các dịch vụ này, chủ yếu là thông qua các nền tảng số kết nối gia đình với người chăm sóc được đào tạo bài bản.

Đào tạo và cấp chứng chỉ về chăm sóc là chìa khóa để thúc đẩy nền kinh tế này. Tại Việt Nam, hoạt động đào tạo chăm sóc người cao tuổi phần lớn được thực hiện bởi các sáng kiến của khu vực tư nhân.

Ngoài trực tiếp cung cấp dịch vụ, khu vực tư nhân cũng nắm giữ vị thế chủ chốt để **thúc đẩy đổi mới trong các hệ thống chăm sóc**, chẳng hạn như qua các công ty khởi nghiệp phát triển giải pháp số (ví dụ: dịch vụ y tế từ xa, dịch vụ chăm sóc tại nhà qua ứng dụng).

CÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐÁP ỨNG SỰ THAY ĐỔI TRONG NHU CẦU CHĂM SÓC:

CHÍNH PHỦ

- Ban hành chính sách ưu đãi (ví dụ: trợ cấp, cắt giảm thuế) nhằm khuyến khích doanh nghiệp triển khai các chương trình dịch vụ chăm sóc
- Cung cấp trợ cấp chính phủ để tăng khả năng chi trả cho dịch vụ chăm sóc chính thức
- Thiết lập chính sách, chương trình và tiêu chuẩn nhằm bảo đảm chất lượng của dịch vụ chăm sóc

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- **Chính sách nghỉ thai sản, nghỉ chăm sóc người thân** có thể góp phần khuyến khích san sẻ trách nhiệm chăm sóc trong gia đình
- **Chế độ làm việc linh hoạt** của người sử dụng lao động có thể giúp người lao động cân bằng giữa công việc và trách nhiệm chăm sóc
- Trực tiếp cung cấp **nơi trông giữ trẻ** tại nơi làm việc hoặc các biện pháp khác hỗ trợ chăm trẻ

NHÀ CUNG CẤP TƯ NHÂN

- Tâm lý ưu tiên chăm sóc tại nhà đang thúc đẩy sự tăng trưởng của dịch vụ thuê người chăm sóc do đơn vị tư nhân cung cấp
- Các công ty khởi nghiệp đang phát triển các dịch vụ mới để mở rộng hệ sinh thái chăm sóc. Ví dụ:
 1. Dịch vụ hỗ trợ các tổ chức thuộc khu vực công và tư nhân tuyển dụng và đào tạo nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người khuyết tật.
 2. Ứng dụng hỗ trợ sức khỏe thể chất, tinh thần và cảm xúc cho người cao tuổi

TỔ CHỨC QUỐC TẾ

- Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng khung chính sách và tài liệu hướng dẫn
- Tài trợ nghiên cứu, thí điểm hoặc mở rộng phạm vi của các giải pháp chăm sóc tiên tiến thông qua hợp tác với các tổ chức xã hội dân sự và tổ chức phi lợi nhuận.

VÍ DỤ VỀ CÁCH VIỆT NAM ĐÁP ỨNG NHU CẦU CHĂM SÓC TRONG TƯƠNG LAI

Phát huy vai trò của khu vực tư nhân trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc

Chính phủ hiện có các đòn bẩy quan trọng (ví dụ: ưu đãi thuế, trợ cấp đất, đơn giản hóa yêu cầu cấp phép và quy hoạch) để khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào nền kinh tế chăm sóc. Tại các hội thảo đánh giá, các biện pháp hỗ trợ đất đai được nhấn mạnh là yếu tố hỗ trợ đặc biệt quan trọng để mở rộng các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại Việt Nam và là cơ hội quan trọng để cải cách chính sách.

Đầu tư vào các dịch vụ chăm sóc thay thế, bao gồm chăm sóc linh hoạt, chăm sóc tại nhà và chăm sóc tại cộng đồng

Câu lạc bộ Liên Thế hệ Tự giúp nhau (ISHC) là một ví dụ về mô hình chăm sóc tại cộng đồng cho người cao tuổi và có thể điều chỉnh để phù hợp với các bối cảnh quốc gia khác.

Các sáng kiến khác về hỗ trợ dịch vụ chăm sóc tại nhà như một giải pháp thay thế cho cơ sở chăm sóc cũng mở ra cơ hội giá trị để đầu tư và đổi mới trong khu vực tư nhân.

Thúc đẩy tiêu chuẩn chăm sóc công bằng

Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) năm 2024 của Việt Nam đánh dấu bước tiến trong việc mở rộng phạm vi bảo hiểm, bao gồm việc cho phép hưởng lương hưu sớm hơn. Khi việc phụ thuộc vào sự chăm sóc từ gia đình giảm do những thay đổi về nhân khẩu học (ví dụ: tình trạng già hóa dân số và xu hướng di cư của người trẻ), mỗi cá nhân đều cần được hỗ trợ lên kế hoạch khi về già.

CÁC ĐÒN BẨY VÀ RÀO CẢN CHÍNH

ĐÒN BẨY

- Nền kinh tế chăm sóc đã trở thành một **ưu tiên chính sách** (ví dụ: Khung chiến lược toàn diện về Nền kinh tế chăm sóc của ASEAN năm 2021)
- Nhu cầu chăm sóc tăng nhanh thúc đẩy hành động
- **Các giải pháp chăm sóc tại cộng đồng** đang trên đà phát triển nhờ sự hỗ trợ của Chính phủ
- Chính phủ khuyến khích vai trò của khu vực tư nhân

RÀO CẢN

- Văn hóa nhờ gia đình chăm sóc làm hạn chế sự phát triển của thị trường dịch vụ chăm sóc chính thức
- Những thách thức trong việc phối hợp liên bộ, ngành làm cản trở quá trình xây dựng chính sách chăm sóc một cách hiệu quả
- **Ngân sách nhà nước hạn chế** đang kìm hãm khả năng đầu tư và xác định ưu tiên chính sách cho ngành chăm sóc
- **Xu hướng xuất khẩu lao động ngành chăm sóc sang nước ngoài** làm phân tán nhân lực và ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc trong nước
- **Thiếu dữ liệu toàn diện** để đánh giá mối liên hệ giữa cung – cầu cho các dịch vụ chăm sóc hiện có



Trước tình hình già hóa dân số đang diễn ra ngày một nhanh chóng, Việt Nam đã mở rộng mạng lưới dịch vụ và hỗ trợ cho người cao tuổi. Hiểu được tâm lý ưu tiên chăm sóc tại gia đình và tại cộng đồng, Việt Nam đã khởi xướng một vài sáng kiến nhằm đẩy mạnh mô hình tự chăm sóc và chăm sóc xã hội tại nhà.

Một ví dụ tiêu biểu là mô hình **Câu lạc bộ Liên Thế hệ Tự giúp nhau** do HelpAge International khởi xướng vào năm 2006. Các câu lạc bộ này hoạt động theo hình thức hỗ trợ lẫn nhau, góp phần tăng cường sức khỏe, già hóa năng động, đảm bảo thu nhập và tham gia hoạt động xã hội, đồng thời cung cấp tình nguyện viên chăm sóc tại nhà cho người cao tuổi không thể ra khỏi nhà hoặc phải nằm liệt giường. Một số mô hình thí điểm cũng bắt đầu áp dụng mô hình người chăm sóc có tính phí. Hiện có 6.335 Câu lạc bộ Liên Thế hệ Tự giúp nhau đang hoạt động trên khắp Việt Nam.

Sự thay đổi trong nhu cầu chăm sóc và bình đẳng kinh tế của phụ nữ¹⁶

Vấn đề cốt lõi của sự thay đổi trong nhu cầu chăm sóc chính là **tình trạng bất bình đẳng trong phân bổ công việc chăm sóc không lương**. Các định kiến xã hội và khuôn khổ pháp lý, chính trị đã vô hình trung kỳ vọng phụ nữ là người chăm sóc chính. **Nhu cầu chăm sóc tăng có thể cản trở phụ nữ tham gia thị trường lao động**, nhất là đối với các công việc chính thức, do quỹ thời gian eo hẹp và gánh nặng chăm sóc không lương. Phụ nữ sẽ ngày càng gặp nhiều khó khăn nếu hệ thống chăm sóc không có sự thay đổi thực chất. Khi trình độ học vấn trung bình của phụ nữ đang ngày càng cao hơn nam giới, việc các quốc gia chưa đầu tư vào nguồn lực quan trọng này sẽ gây ra hệ quả tiêu cực đối với phụ nữ và nền kinh tế.

Đầu tư vào hạ tầng và dịch vụ chăm sóc có thể góp phần giảm gánh nặng chăm sóc không lương và tạo điều kiện để phụ nữ tham gia thị trường lao động.

Việc mở rộng quy mô ngành dịch vụ chăm sóc có tính phí sẽ tạo thêm cơ hội việc làm cho mọi giới, đồng thời tạo điều kiện cho nhiều người hơn tham gia lực lượng lao động, đặc biệt là phụ nữ do họ đang phải đảm nhận nhiều trách nhiệm chăm sóc hơn. Tuy nhiên, việc làm phải đi kèm mức lương thỏa đáng, sự bảo hộ về mặt pháp lý, và công nhận chăm sóc là công việc có kỹ năng.

Hệ thống pháp luật quốc gia và chính sách tại nơi làm việc (ví dụ: chế độ nghỉ thai sản và nghỉ chăm sóc người thân có lương, chế độ làm việc linh hoạt) có thể góp phần phân bổ lại trách nhiệm chăm sóc không lương giữa các giới.

CÁC YẾU TỐ GIAO THOA ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÁC ĐỘNG CỦA SỰ THAY ĐỔI VỀ NHU CẦU CHĂM SÓC ĐỐI VỚI SỰ BÌNH ĐẲNG KINH TẾ CỦA PHỤ NỮ



Phụ nữ nông thôn và phụ nữ có thu nhập thấp thường đối mặt với các rào cản chồng chéo. Họ không đủ khả năng chi trả cho các dịch vụ chăm sóc có tính phí hiện có, hoặc họ là người cung cấp dịch vụ chăm sóc cho các hộ gia đình có thu nhập cao dưới hình thức lao động phi chính thức, thường với mức lương thấp và ít được bảo vệ bởi pháp luật hay hệ thống an sinh xã hội.



Phụ nữ di cư thường gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tìm kiếm các biện pháp hỗ trợ chăm sóc do không có người thân ở gần, chưa nắm rõ các loại hình dịch vụ chăm sóc (chính thức) có tính phí hoặc gặp khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc chất lượng tại nơi di cư đến.



Phụ nữ khuyết tật hoặc đang chăm sóc người khuyết tật phải đối mặt với những thách thức đặc thù trong việc cân bằng giữa công việc chăm sóc và tham gia kinh tế. Lý do là vì thiếu các dịch vụ chăm sóc người khuyết tật chất lượng và phương pháp chăm sóc hiện nay vẫn thiên về hỗ trợ hơn là giúp người khuyết tật sống tự lập.

¹⁶ Theo Khung Bình đẳng Kinh tế (tháng 7/2024) của Investing in Women, bình đẳng kinh tế được định nghĩa là cơ hội để mọi giới cùng tham gia, đóng góp và hưởng thành quả từ nền kinh tế (bao gồm cả công việc có trả lương và không trả lương), trong đó ghi nhận giá trị đóng góp, tôn trọng phẩm giá và tạo điều kiện thương lượng phân bổ công bằng lợi ích từ thành quả lao động.

Khuyến nghị cho Chính phủ, khu vực tư nhân và các cộng đồng

Việc xây dựng lộ trình, kế hoạch hành động hoặc khung chính sách tổng thể về nền kinh tế chăm sóc sẽ cho thấy cam kết mạnh mẽ từ phía Chính phủ, đồng thời có thể khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân và các bên liên quan khác. Tại Việt Nam, các cam kết này được thể hiện thông qua Nghị quyết của Bộ Chính trị, Bộ luật do Quốc hội ban hành, Nghị định của Chính phủ và Chiến lược quốc gia.¹⁷ Tuy nhiên, công tác triển khai hiệu quả và phối hợp liên ngành là yếu tố then chốt.

Trong bối cảnh ngân sách còn hạn chế, Chính phủ cần **phát huy vai trò của khu vực tư nhân** trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc. Có thể khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào lĩnh vực chăm sóc bằng cách:

- Cung cấp ưu đãi thuế, trợ cấp đất và đơn giản hóa yêu cầu cấp phép
- Cung cấp các hình thức hỗ trợ khác liên quan đến đất đai
- Cung cấp tài liệu hướng dẫn rõ ràng về cách tiếp cận các chính sách ưu đãi hiện có, đảm bảo tính minh bạch và giảm bớt các rào cản trong thủ tục hành chính

12 KHUYẾN NGHỊ CHÍNH							
01	Xây dựng và củng cố khuôn khổ kinh tế chăm sóc quốc gia	02	Phân bổ nguồn lực ngân sách hạn chế một cách có chiến lược	03	Phát huy vai trò của khu vực tư nhân trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc	04	Đầu tư vào các dịch vụ chăm sóc thay thế, bao gồm chăm sóc linh hoạt, chăm sóc tại nhà và chăm sóc tại cộng đồng
05	Xây dựng và củng cố các chính sách phát triển nguồn nhân lực ngành chăm sóc	06	Công nhận, đề cao và đầu tư vào chuyên nghiệp hóa ngành dịch vụ chăm sóc	07	Cải thiện công tác thu thập, giám sát, và đánh giá dữ liệu	08	Thúc đẩy tiêu chuẩn chăm sóc công bằng
09	Tăng năng suất kinh tế với mục tiêu đáp ứng nhu cầu chăm sóc	10	Tăng cường quyền tự chủ và cách tiếp cận dựa trên nguyên tắc bình đẳng trong ngành chăm sóc	11	Đầu tư để nghiên cứu thêm về dịch vụ chăm sóc đáp ứng nhu cầu giới	12	Xây dựng kế hoạch chăm sóc dự phòng để ứng phó với các sự kiện bất ngờ và có tác động lớn

¹⁷ Nghiên cứu này được thực hiện năm 2025 và phản ánh bối cảnh chính sách và thể chế của Việt Nam vào thời điểm đó. Các cải cách được ban hành vào năm 2025 và được thực hiện từ năm 2025 trở đi có thể đã làm thay đổi bối cảnh chính sách của ngành chăm sóc. Do đó, một số khuyến nghị và kết quả nghiên cứu có thể cần được cập nhật.

Kết luận

Nhu cầu chăm sóc tại Việt Nam trong tương lai sẽ tăng mạnh trước tình hình già hóa dân số nhanh chóng cùng với áp lực kinh tế ngày càng lớn đối với các hộ gia đình. Dự báo đến năm 2050, 20% dân số Việt Nam sẽ thuộc nhóm từ 65 tuổi trở lên. Ngoài ra, do tỷ lệ khuyết tật thường tăng theo tuổi tác, nên nhu cầu chăm sóc dài hạn và chuyên biệt cũng sẽ tăng vọt, đặc biệt là ở người cao tuổi mắc bệnh mãn tính hoặc bệnh lý phức tạp. Nhu cầu hỗ trợ người khuyết tật và chăm sóc trẻ em cũng sẽ tăng do tác động của nhiều yếu tố đan xen. Những thay đổi này đã và đang tạo áp lực lên các hệ thống chăm sóc tại gia đình. Tự chăm sóc người thân ngày càng trở nên khó khăn do quy mô gia đình nhỏ dần vì xu hướng di cư và tỷ lệ sinh giảm, cũng như áp lực công việc ngày càng lớn đối với cả nam và nữ, khó có thể dành thời gian cho công việc chăm sóc không lương.

Trước tình hình này, tầm quan trọng của **dịch vụ chăm sóc cá nhân hóa và chuyên nghiệp được cung cấp tại nhà, cộng đồng và các cơ sở dịch vụ** đang ngày càng trở nên rõ nét. Tình trạng cô đơn của người cao tuổi sống tại nhà ngày càng tăng, cùng với sự thay đổi trong quan niệm văn hóa đã góp phần nâng cao nhận thức về giá trị của các dịch vụ chăm sóc chuyên nghiệp và chất lượng cao. Dù vậy, khả năng cung cấp dịch vụ vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó là tình trạng thiếu hụt người chăm sóc được đào tạo bài bản và sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc tại nhà, tại cộng đồng và tại cơ sở chăm sóc nội trú.

Khu vực tư nhân sẽ đóng vai trò then chốt trong việc đáp ứng nhu cầu chăm sóc tăng cao. Trong bối cảnh nhu cầu chăm sóc tăng, các nhà cung cấp tư nhân đã bắt đầu tăng sự hiện diện thông qua nhiều mô hình dịch vụ đa dạng: từ viện dưỡng lão, trung tâm chăm sóc ban ngày/ngắn hạn cho đến dịch vụ chăm sóc tại nhà tính phí và các giải pháp số tiên tiến. Việc mở rộng các mô hình chăm sóc tại cộng đồng ở Việt Nam, điển hình là Câu lạc bộ Liên Thế hệ Tự giúp nhau, cho thấy sự quan tâm ngày càng rõ nét ở cấp chính sách, song, phạm vi bao phủ vẫn chưa theo kịp quy mô già hóa dân số trong tương lai.

Để duy trì hệ thống chăm sóc bền vững, Việt Nam cần có sự hợp tác đầu tư giữa khu vực công, khu vực tư nhân, các tổ chức quốc tế và cộng đồng nhằm đảm bảo dịch vụ chăm sóc công bằng, chất lượng cao cho trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật.

Australian National University Australian Aid INVESTING IN WOMEN

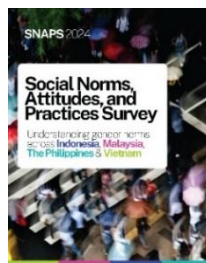
Future demand for care in Indonesia, the Philippines & Vietnam



October 2025



Vui lòng nhấp vào [đây](#) hoặc quét mã để tải báo cáo **Nhu cầu chăm sóc trong tương lai** hoàn chỉnh.



Vui lòng nhấp vào [đây](#) hoặc quét mã để tải báo cáo liên quan về **Khảo sát Chuẩn mực, Thái độ và Thực hành Chuẩn mực xã hội**.



Australian Aid INVESTING IN WOMEN
SMART ECONOMICS
AN INITIATIVE OF THE AUSTRALIAN GOVERNMENT

Australian National University

THE GLOBAL INSTITUTE FOR WOMEN'S LEADERSHIP

Đối tác

MDRI Mekong Development Research Institute
Center of Knowledge

PIIS Philippine Institute for Development Studies
Tuguegarao City, Cagayan Valley, Philippines

smeru RESEARCH INSTITUTE